

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠP PHẪM VÀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Hà Nội, tháng 04 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.828.767.039	124.865.194.829
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.896.512.791	12.660.024.079
Tiền	111		4.896.512.791	12.660.024.079
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	8.484.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		-	8.484.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.608.241.399	67.059.610.863
Phải thu khách hàng	131		35.948.810.617	61.249.777.449
Trả trước cho người bán	132		5.089.336.405	5.439.836.179
Các khoản phải thu khác	135	5	4.370.253.869	754.709.652
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	6	(1.800.159.492)	(384.712.417)
Hàng tồn kho	140		33.102.001.415	31.512.601.669
Hàng tồn kho	141	7	33.102.001.415	31.512.601.669
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.222.011.434	5.148.958.218
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		35.679.553	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		82.150.250	143.958.218
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	54.181.631	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	2.050.000.000	5.005.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.035.904.723	2.154.442.525
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		1.787.689.633	1.768.433.215
Tài sản cố định hữu hình	221	10	882.414.518	855.908.444
- Nguyên giá	222		4.445.946.684	4.255.896.804
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.563.532.166)	(3.399.988.360)
Tài sản cố định vô hình	227		4.444.279	11.693.935
- Nguyên giá	228		25.500.000	25.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.055.721)	(13.806.065)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	900.830.836	900.830.836
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		248.215.090	386.009.310
Chi phí trả trước dài hạn	261		248.215.090	386.009.310
TỔNG TÀI SẢN	270		85.864.671.762	127.019.637.354

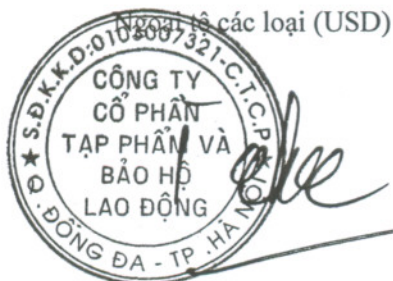
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		67.791.854.411	110.835.795.769
Nợ ngắn hạn	310		67.341.854.411	110.734.660.044
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	14.073.439.107	43.448.247.219
Phải trả người bán	312		37.229.391.148	53.595.748.986
Người mua trả tiền trước	313		3.562.561.475	8.439.335.713
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.254.627.348	1.843.970.665
Phải trả người lao động	315		1.010.844.720	999.016.374
Chi phí phải trả	316		24.104.769	107.357.086
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	10.129.826.795	2.271.569.952
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		57.059.049	29.414.049
Nợ dài hạn	330		450.000.000	101.135.725
Phải trả dài hạn khác	333		450.000.000	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	101.135.725
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.072.817.351	16.183.841.585
Vốn chủ sở hữu	410	15	18.072.817.351	16.183.841.585
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	11.081.302
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.293.632.537	1.313.538.748
Quỹ dự phòng tài chính	418		761.701.387	486.701.387
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.017.483.427	4.372.520.148
TỔNG NGUỒN VỐN	440		85.864.671.762	127.019.637.354

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Ngân tệ các loại (USD)		200.29	200.29



Đỗ Mạnh Tuấn
Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2013

TH

Trần Thị Tuyết Nga
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	802.302.611.261	1.100.113.151.856
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	16	160.372.594	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	16	802.142.238.667	1.100.113.151.856
Giá vốn hàng bán	11	17	781.401.719.745	1.080.714.527.997
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.740.518.922	19.398.623.859
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	400.736.192	2.673.869.622
Chi phí tài chính	22	19	2.837.358.165	6.042.872.269
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.664.430.918	5.398.595.713
Chi phí bán hàng	24	20	6.213.589.229	6.975.359.117
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	5.182.511.748	3.848.667.788
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.907.795.972	5.205.594.307
Thu nhập khác	31		384.938.376	2.409.936.918
Chi phí khác	32		104.739	259.767.193
Lợi nhuận khác	40		384.833.637	2.150.169.725
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.292.629.609	7.355.764.032
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	1.276.210.182	1.287.258.706
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.016.419.427	6.068.505.326
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	6.016	6.069

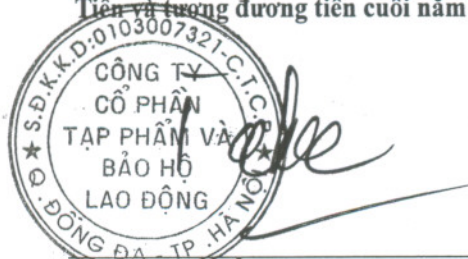


Đỗ Mạnh Tuấn
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2013

Trần Thị Tuyết Nga
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		889.729.475.076	1.180.274.038.249
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(866.354.810.785)	(1.132.592.551.917)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(6.234.847.927)	(6.195.862.998)
Tiền chi trả lãi vay	4		(2.748.421.448)	(5.335.882.408)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(2.482.632.572)	(389.700.527)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		17.329.528.369	10.293.796.751
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(7.879.638.179)	(44.496.818.753)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.358.652.534	1.557.018.397
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(126.905.880)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(42.280.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.180.000.000	33.796.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		374.352.342	1.903.485.860
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.427.446.462	(6.580.514.140)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		128.774.133.000	199.544.170.946
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(158.148.941.112)	(190.084.268.101)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.175.544.784)	(3.095.638.716)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.550.352.896)	6.364.264.129
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(7.764.253.900)	1.340.768.386
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.660.024.079	11.363.159.453
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		742.612	(43.903.760)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	4.896.512.791	12.660.024.079



Đỗ Mạnh Tuấn
Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2013

TK

Trần Thị Tuyết Nga
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tập phẩm và Bảo hộ Lao động (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Tập phẩm và Bảo hộ Lao động, được thành lập theo Quyết định số 153/TM-TCCB ngày 10/03/1995 của Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương). Công ty được chuyển đổi (Cổ phần hóa) từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1215/QĐ-BTM ngày 27/08/2004 của Bộ Thương Mại.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103007321 ngày 06/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính và các Chi nhánh tại các địa điểm sau:

Trụ sở/ Chi nhánh**Địa điểm**

Trụ sở chính

Phường Quốc Tử Giám - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 78 người (tại ngày 31/12/2011 là 74 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh hàng tiêu dùng, dụng cụ gia đình, trang thiết bị bảo hộ lao động, an toàn lao động, các thiết bị văn phòng phẩm, trang trí nội thất, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải ô tô, xe máy, đồ điện dân dụng, điện tử, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất, giấy các loại, gỗ các loại. Hàng vật tư nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y), phân bón, nông lâm thổ sản, hải sản, khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); Hàng thực phẩm, thực phẩm công nghệ bánh kẹo, đường, rượu bia, đồ uống, thuốc lá;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Kinh doanh nhà, dịch vụ kho, cho thuê văn phòng làm việc, dịch vụ xông hơi (không bao gồm xông hơi dùng thuốc y học cổ truyền);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Khách sạn nhà hàng, ăn uống (không bao gồm kinh doanh hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Mua bán thiết bị máy tính, thiết bị văn phòng, điện tử, điện lạnh, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị điều hoà nhiệt độ, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị vệ sinh; và
- Mua bán thiết bị bảo vệ, camera quan sát, máy fax, máy photocopy, máy in, máy tính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính về việc ban hành Chế độ Kế toán doanh nghiệp và Thông tư Số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến ngoại tệ trình bày tại thuyết minh số 3.10.

Trong năm, Công ty đã áp dụng Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày trong Thuyết minh số 24.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan như được trình bày theo Thuyết minh số 24 trên các báo cáo tài chính chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Phương tiện vận tải	08

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là phần mềm thiết kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

3.9 DOANH THU

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính: lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.10 NGOẠI TỆ

Năm 2012, Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay cho Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ, phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Lợi nhuận phát sinh do đánh giá lại tỷ giá của các khoản công nợ, tiền mặt có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối.

Do áp dụng thông tư này, cuối năm Công ty không còn số dư trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 THUẾ

Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Dịch vụ khảo sát, thiết kế, lập quy hoạch chịu thuế suất 10%

Sản phẩm chế thử, sản phẩm nghiên cứu, đề tài khoa học công nghệ chịu thuế suất 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành là 25%.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	43.383	1.076.777.422
Tiền gửi ngân hàng	4.896.469.408	11.583.246.657
	4.896.512.791	12.660.024.079

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền lợi nhuận liên doanh	-	687.188.174
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thủy Hiền (*)	2.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại An Hòa (**)	1.704.000.000	-
Phải thu khác	66.253.869	67.521.478
	4.370.253.869	754.709.652

(*) Theo Hợp đồng góp vốn kinh doanh số 0410 HĐ/2011/SUN-THU ngày 04/10/2011 về việc góp vốn đầu tư kinh doanh chế xuất khẩu, Công ty Cổ phần Tập phẩm và Bảo hộ Lao động (gọi tắt là "Bên A") đã góp vốn đầu tư tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thủy Hiền (gọi tắt là "Bên B") số tiền 3 tỷ đồng. Theo quy định thời hạn thanh toán trong hợp đồng, đến 31/12/2011 Bên B phải hoàn vốn cho Bên A. Tại biên bản xác nhận công nợ và cam kết thanh toán tiền góp vốn kinh doanh ngày 19/07/2012 giữa 2 Công ty thì Bên B phải thanh toán đúng cam kết với Bên A, gia hạn về thời hạn bắt đầu thanh toán kể từ tháng 7/2012. Đến 31/12/2012, số tiền Bên B còn nợ Bên A là 2,6 tỷ đồng, số tiền lãi và tiền phạt chậm trả Bên A đang tạm tính cho Bên B năm 2012 là 536.946.667 đồng, đến cuối năm 2012 Bên B vẫn tiếp tục trả nợ cho bên A số tiền là 400 triệu đồng. Vì vậy, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Tuy nhiên, để thực hiện thu hồi công nợ, Bên A đã tập hợp hồ sơ và gửi Công an Kinh tế - Thành phố Hà Nội để tiến hành thu hồi công nợ và để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong kế toán Công ty chưa ghi nhận khoản lãi trên vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012.

(**) Theo Hợp đồng góp vốn kinh doanh số 0110/2011/HĐ-SUN ngày 01/10/2011 về việc góp vốn đầu tư kinh doanh thiết bị PCCC, vật tư ngành điện nước, Công ty Cổ phần Tập phẩm và Bảo hộ Lao động (gọi tắt là "Bên A") đã góp vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại An Hòa (gọi tắt là "Bên B") số tiền 5 tỷ đồng. Theo quy định điều khoản thanh toán trong hợp đồng, đến ngày 31/12/2011 Bên B phải hoàn vốn cho Bên A. Theo biên bản xác nhận công nợ và cam kết thanh toán giữa 2 Công ty về việc gia hạn thời hạn thanh toán khoản công nợ trên, Bên B sẽ phải thanh toán cho Bên A theo lịch trả nợ trong thỏa thuận, thời gian bắt đầu thanh toán là từ tháng 08/2012. Đến ngày 31/12/2012 số tiền Bên B còn nợ tiền góp vốn liên doanh là 1.704.000.000 đồng, tiền lãi và tiền phạt chậm trả hợp đồng liên doanh trong của năm 2012 là 474.394.840 đồng. Hàng tháng bên B vẫn trả nợ cho bên A, vì vậy Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi và để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong kế toán, Công ty chưa ghi nhận khoản tiền lãi và tiền phạt chậm trả nêu trên vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thủy Hiền (*)	1.415.447.075	-
Ông Nguyễn Sỹ Thùy	43.304.417	43.304.417
Ông Lê Ngọc Huân	341.408.000	341.408.000
	1.800.159.492	384.712.417

(*) Khoản công nợ phải thu tại ngày 31/12/2012 của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thủy Hiền về tiền bán chèn số tiền là 3.635.544.150 đồng. Theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 3009/2011/HĐKT/SUN-TH ngày 30/09/2011 và hợp đồng mua bán hàng hóa số 3003/2012/HĐKT/SUN-TH ngày 30/03/2012 thì Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thủy Hiền phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Táp phẩm và Bảo hộ Lao động toàn bộ giá trị lô hàng sau khi nhận hàng trong vòng 90 ngày. Đến ngày 31/12/2012, các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, vì vậy Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 1.415.447.075 đồng.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	34.310.000	26.280.000
Hàng hoá	33.067.691.415	31.486.321.669
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	33.102.001.415	31.512.601.669

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế đất nộp thừa cho nhà nước (*)	54.181.631	-
	54.181.631	-

(*) Theo thông báo tiền thuế đất của nhà nước số tiền thuế đất phải nộp của Công ty trong năm 2012 là khoảng 2,8 tỷ đồng. Công ty đang thực hiện theo Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23/11/2011 về việc miễn giảm tiền thuế đất trong năm 2011 và năm 2012. Theo đó, Công ty sẽ được miễn giảm 50% tiền thuế đất trong năm 2012, trường hợp tiền thuế đất sau khi được giảm vẫn lớn hơn 2 lần so với tiền thuế đất phải nộp của năm 2010 thì tổ chức kinh tế được giảm tiếp tiền thuế đất của năm 2011, năm 2012 đến mức bằng 2 lần tiền thuế đất phải nộp của năm 2010. Công ty đang làm hồ sơ xin miễn giảm tiền thuế đất và đã có công văn gửi Chi cục thuế tại từng địa phương nơi Công ty thuê đất. Số tiền thuế đất trong năm 2012 Công ty đang tạm hạch toán số tiền là: 734.788.396 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	-	5.000.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.050.000.000	5.000.000.000
	2.050.000.000	5.005.000.000

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2012	3.754.266.819	480.339.076	21.290.909	4.255.896.804
- Đầu tư XDCB hoàn thành	190.049.880	-	-	190.049.880
31/12/2012	3.944.316.699	480.339.076	21.290.909	4.445.946.684
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2012	(2.902.616.585)	(480.339.076)	(17.032.699)	(3.399.988.360)
- Khấu hao trong năm	(159.285.630)	-	(4.258.176)	(163.543.806)
31/12/2012	(3.061.902.215)	(480.339.076)	(21.290.875)	(3.563.532.166)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2012	851.650.234	-	4.258.210	855.908.444
31/12/2012	882.414.484	-	34	882.414.518

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là: 1.240.131.132 đồng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án Sunprotexim I	878.298.654	878.298.654
Dự án Sunprotexim II	22.532.182	22.532.182
	900.830.836	900.830.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (*)	14.073.439.107	38.520.827.017
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	4.927.420.202
	14.073.439.107	43.448.247.219

(*) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 106.2012/HD-DNVN lập ngày 7/6/2012 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình. Hạn mức tín dụng của hợp đồng là 40 tỷ đồng. Thời hạn của hợp đồng vay đến hết ngày 31/05/2013. Lãi suất và các khoản phí áp dụng theo hình thức theo hình thức lãi suất cho vay thả nổi, lãi suất cho vay trong hạn áp dụng là lãi suất cho vay cơ sở + biên độ 4%. Trong đó, lãi suất cho vay cơ sở là lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau niên yết tại ngân hàng + chi phí huy động vốn tăng thêm. Hình thức bảo đảm tiền vay là: cho vay không có đảm bảo bằng tài sản nhưng có áp dụng biện pháp bổ sung tài sản bảo đảm tài sản thế chấp, cầm cố thuộc sở hữu của bên thứ 3.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	897.732.817	149.983.711
Thuế xuất, nhập khẩu	-	130.871.107
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	356.144.531	1.562.566.921
Thuế thu nhập cá nhân	750.000	548.926
	1.254.627.348	1.843.970.665

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội và y tế	9.953	-
Kinh phí công đoàn	28.640.475	58.723.697
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.101.176.367	2.212.846.255
<i>Phải trả tiền cổ tức</i>	22.463.500	696.508.284
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)</i>	10.078.712.867	1.516.337.971
	10.129.826.795	2.271.569.952

(*) Là các khoản Công ty nhận của các đơn vị nội bộ trong Công ty đảm bảo cho các khoản công nợ chưa thu hồi được của khách hàng của từng đơn vị.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠP PHẪM VÀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Số 11A Phố Cát Linh - Phường Quốc Tử Giám

Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
01/01/2011	10.000.000.000	-	913.226.353	353.263.922	2.558.328.157	13.824.818.432
Lợi nhuận tăng trong năm	-	11.081.302	-	-	6.068.505.326	6.079.586.628
Tăng quỹ	-	-	400.312.395	133.437.465	-	533.749.860
Phân phối lợi nhuận:	-	-	-	-	4.033.984.157	4.033.984.157
Chi cổ tức năm 2011	-	-	-	-	3.200.000.000	3.200.000.000
Trích các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	833.984.157	833.984.157
Giảm khác	-	-	-	-	220.329.178	220.329.178
31/12/2011	10.000.000.000	11.081.302	1.313.538.748	486.701.387	4.372.520.148	16.183.841.585
01/01/2012	10.000.000.000	11.081.302	1.313.538.748	486.701.387	4.372.520.148	16.183.841.585
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	6.016.419.427	6.016.419.427
Phân phối lợi nhuận:	-	-	980.093.789	275.000.000	(5.371.456.148)	(4.116.362.359)
Chi cổ tức năm trước	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tạm trích cổ tức	-	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Các quỹ thuộc VCSH	-	-	980.093.789	275.000.000	(1.255.093.789)	-
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(179.512.360)	(179.512.360)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(330.000.000)	(330.000.000)
Chi khác	-	-	-	-	(106.849.999)	(106.849.999)
Giảm khác	-	(11.081.302)	-	-	-	(11.081.302)
31/12/2012	10.000.000.000	-	2.293.632.537	761.701.387	5.017.483.427	18.072.817.351

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**15.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	4.329.050.000	4.329.050.000
Vốn góp của các đối tượng khác	5.670.950.000	5.670.950.000
	10.000.000.000	10.000.000.000

15.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.175.544.784	3.095.638.716

15.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2012	01/01/2012
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

15.5 CÁC QUỸ

	CP	CP
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.293.632.537	1.313.538.748
Quỹ dự phòng tài chính	761.701.387	486.701.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	802.302.611.261	1.100.113.151.856
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	795.117.298.811	1.093.440.254.491
Doanh thu cho thuê kho, hoa hồng đại lý	7.185.312.450	6.672.897.365
Các khoản giảm trừ doanh thu	160.372.594	-
Trong đó:		
+ Giảm giá hàng bán	160.372.594	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	802.142.238.667	1.100.113.151.856
Trong đó:		
Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	794.956.926.217	1.093.440.254.491
Doanh thu thuần hoạt động cho thuê kho bãi	7.185.312.450	6.672.897.365

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa đã bán	781.401.719.745	1.080.714.527.997
	781.401.719.745	1.080.714.527.997

Công ty không tách chi tiết giá vốn tương ứng với doanh thu cho thuê kho tàng, nhà xưởng và hoa hồng đại lý mà đang ghi nhận trên chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33.521.549	25.976.334
Lãi từ hoạt động liên doanh	41.011.826	2.068.191.174
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.626.706	496.506.526
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	742.612	-
Lãi ký quỹ	299.833.499	83.195.588
	400.736.192	2.673.869.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	2.664.430.918	5.398.595.713
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.806.780	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	171.120.467	644.276.556
	2.837.358.165	6.042.872.269

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.982.667.477	4.797.856.156
Chi phí vật liệu, bao bì bán hàng	21.550.000	109.978.205
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	341.408.000
Chi phí bằng tiền khác	1.209.371.752	1.726.116.756
	6.213.589.229	6.975.359.117

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.965.656.149	2.472.362.576
Chi phí đồ dùng văn phòng	128.607.413	94.703.793
Chi phí khấu hao tài sản cố định	170.793.462	150.191.554
Thuế phí, lệ phí	742.788.397	653.602.202
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.415.447.075	(50.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	456.499.488	224.328.161
Chi phí bằng tiền khác	302.719.764	303.479.502
	5.182.511.748	3.848.667.788

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.292.629.609	7.355.764.032
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	7.292.629.609	7.355.764.032
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.823.157.402	1.838.941.008
Thuế TNDN được hưởng ưu đãi theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 cho năm 2012 và Nghị định 101/2001/NĐ-CP ngày 04/11/2011 cho năm 2011	546.947.220	551.682.302
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.276.210.182	1.287.258.706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.016.419.427	6.068.505.326
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	6.016	6.069

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ phải trả (bao gồm các khoản vay, nợ như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.12 - Công cụ tài chính

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.896.512.791	12.660.024.079
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	8.484.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	38.518.904.994	61.619.774.684
	43.415.417.785	82.763.798.763
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	14.073.439.107	43.448.247.219
Phải trả người bán	37.229.391.148	53.595.748.986
Chi phí phải trả	24.104.769	107.357.086
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.101.176.367	2.212.846.255
Phải trả dài hạn khác	450.000.000	-
	61.878.111.391	99.364.199.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về Trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên giá trị tài sản bằng ngoại tệ của Công ty rất nhỏ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng phương pháp phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Ngoài ra, rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá

Công ty không chịu rủi ro về giá.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP)***Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp. Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2012 là: 4.896.469.408 đồng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa thực hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc Công ty trên cơ sở phân tích các thông tin sẵn có liên quan.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi của Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Giá trị ghi sổ		
Tổng gộp	4.020.256.567	384.712.417
Trừ: Dự phòng giảm giá trị	(1.800.159.492)	(384.712.417)
	2.220.097.075	-
Dự phòng giảm giá trị		
Số dư đầu năm	(384.712.417)	(384.712.417)
Dự phòng Tăng	(1.415.447.075)	-
Số dư cuối năm	(1.800.159.492)	(384.712.417)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả bao gồm gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012			
Vay và nợ ngắn hạn	14.073.439.107	-	14.073.439.107
Phải trả người bán	37.229.391.148	-	37.229.391.148
Chi phí phải trả	24.104.769	-	24.104.769
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.101.176.367	-	10.101.176.367
Phải trả dài hạn khác	-	450.000.000	450.000.000
	61.428.111.391	450.000.000	61.878.111.391
Tại ngày 01/01/2012			
Vay và nợ ngắn hạn	43.448.247.219	-	43.448.247.219
Phải trả người bán	53.595.748.986	-	53.595.748.986
Chi phí phải trả	107.357.086	-	107.357.086
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.212.846.255	-	2.212.846.255
Phải trả dài hạn khác	-	-	-
	99.364.199.546	-	99.364.199.546

Mặc dù đang gặp khó khăn do nợ ngắn hạn lớn trong khi tài sản ngắn hạn có rủi ro tín dụng, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn hoặc làm việc với đối tác để được gia hạn nợ.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Số liệu được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm gốc và lãi từ các tài sản đó, nếu có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.896.512.791	-	4.896.512.791
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	38.518.904.994	-	38.518.904.994
	43.415.417.785	-	43.415.417.785
Tại ngày 01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.660.024.079	-	12.660.024.079
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	8.484.000.000	-	8.484.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	61.619.774.684	-	61.619.774.684
	82.763.798.763	-	82.763.798.763

25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**25.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty Cổ phần Tập phẩm và Bảo hộ Lao động với các bên liên quan cụ thể như sau:

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng thu nhập của ban Giám đốc	385.550.169	173.510.426
Thù lao của Hội đồng Quản trị	179.512.360	25.780.000

25.2 CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Giữa Công ty và Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thái Hòa có tranh chấp liên quan đến tài sản trên đất (kho tàng, nhà xưởng) tại số 352 Giải Phóng - Hà Nội. Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội đã có Biên bản làm việc ngày 05/05/2009 và Biên bản định giá ngày 05/11/2009 giữa Tòa án và hai bên nguyên đơn, bị đơn. Theo đó Công ty sẽ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thái Hòa (nay đổi tên là: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam) giá trị tài sản trên đất theo chứng từ, tài liệu hợp lý mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam có thể cung cấp được hoặc giá trị định giá lại bởi một cơ quan tư vấn thiết kế chuyên nghiệp. Giá trị ước tính hiện tại của tài sản do bị đơn đưa ra là khoảng 5 tỷ đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, vấn đề nêu trên vẫn chưa được thống nhất và Công ty cũng chưa ước tính nghĩa vụ nợ phải trả cùng các chi phí có liên quan để ghi nhận trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**25.3 HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

Công ty hiện có các diện tích đất thuộc các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng số 47-245.99/ĐC-HĐTD ngày 30/01/1999. Diện tích đất là 1.005,4 m², tại Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, mục đích sử dụng làm trụ sở và kho, thời hạn thuê đất 10 năm kể từ ngày 01/01/1996.
- Hợp đồng số 48-245.99/ĐC-HĐTD ngày 30/01/1999. Diện tích đất được thuê là 1.090,8 m², tại Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, mục đích sử dụng là trụ sở và kho, thời hạn thuê đất 10 năm kể từ ngày 01/01/1996.

Hai hợp đồng trên đã hết hạn thuê đất, Công ty đang thực hiện các thủ tục xin gia hạn hợp đồng thuê đất và các tài sản trên đất. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang sử dụng các khu đất trên và đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục để gia hạn các hợp đồng thuê đất nêu trên.

25.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm



Đỗ Mạnh Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2013

Trần Thị Tuyết Nga

Kế toán trưởng